

Số: 286/BC-TMDK

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC) NĂM 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước **“Báo cáo thường niên năm 2025”** của Petechim như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**
PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY (PETECHIM JSC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0305447723.
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 54112323
- Số fax: (84-28) 54112332
- Website: www.petechim.com.vn
- Mã cổ phiếu: PTV
- Sàn giao dịch: UPCOM
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành Dầu khí non trẻ của Việt Nam.
 - Ngày 05/10/1994, Petechim được chuyển giao và trở thành đơn vị trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam- Petrovietnam) với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là “Petechim”, được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trở thành một trong những nhà cung cấp hàng đầu vật tư, máy móc, thiết bị và dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
 - Ngày 27/09/2006, Công ty Thương mại Dầu khí được chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Thương mại Dầu khí. Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí” (**tên giao dịch viết tắt là Petechim Servimex**) trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí và **kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Thương mại Dầu khí**.
- Theo tiến trình sắp xếp các DN thuộc Tập đoàn, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).
- Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim JSC), được kế thừa thương hiệu Petechim của Tổng công ty Thương mại Dầu khí cũng như toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành Dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng DT trong hai năm 2024 và 2025:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	4669
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển. Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không.	5229
3	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế (không hoạt động tại trụ sở).	4661

- Địa bàn kinh doanh:

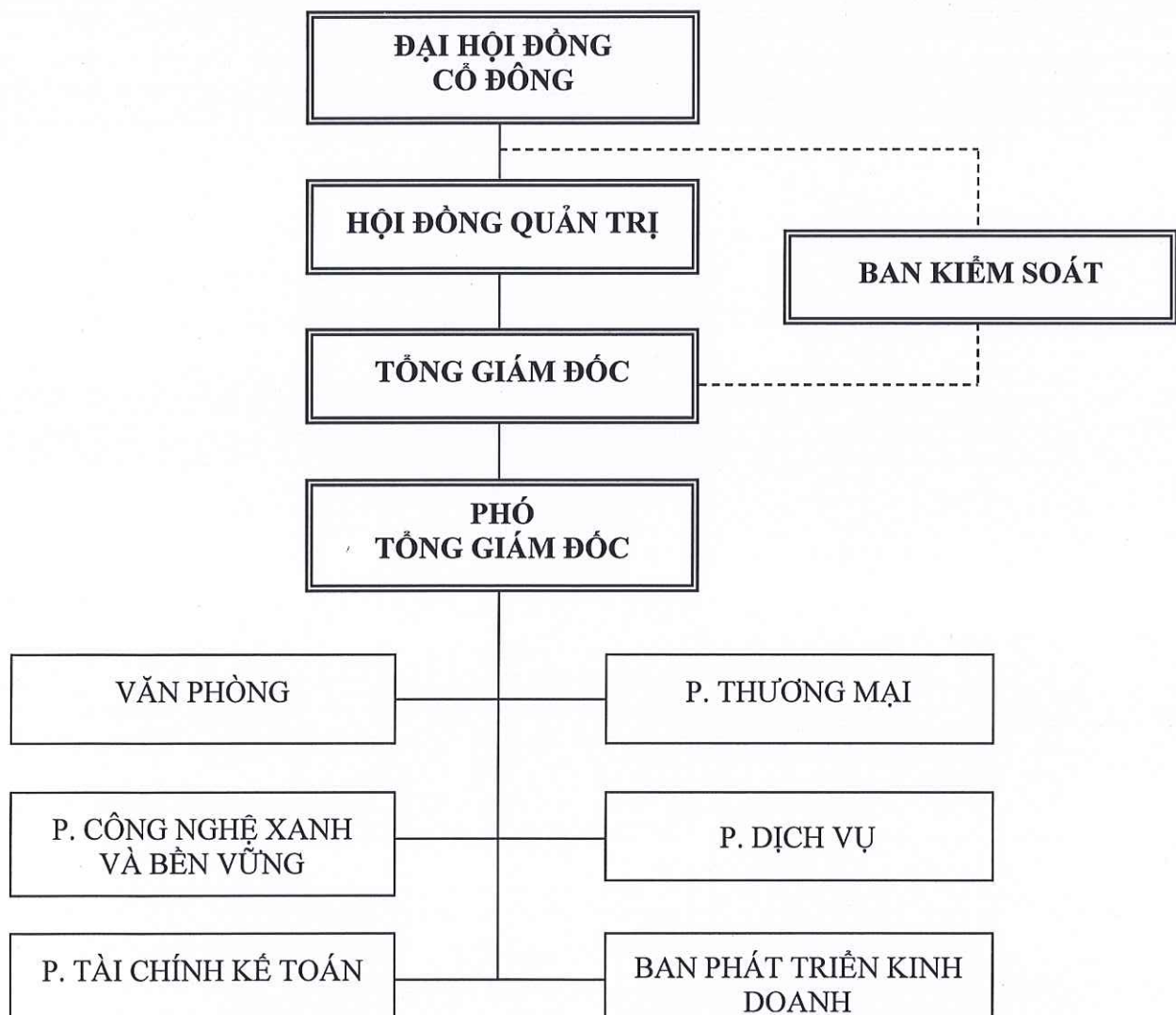
- Trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty con:**

+ Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

- **Công ty liên kết:**

- + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)
- + Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)
- + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

(Chi tiết xin xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này)

4. Định hướng phát triển

PETCHIM tập trung vào 3 định hướng chiến lược lớn:

- Tham gia sâu vào các hệ sinh thái của cổ đông lớn với vai trò Nhà cung cấp hàng hóa - dịch vụ - giải pháp công nghệ tổng thể trong quá trình chuyển dịch sang kinh tế số/xanh.
- Trở thành nhà cung ứng đa ngành trong các dự án lớn. Từng bước xây dựng vị thế: Nhà cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu đầu vào; Nhà phân phối sản phẩm đầu ra; Nhà cung ứng dịch vụ đa ngành trong các lĩnh vực: Năng lượng tái tạo; Tín chỉ Carbon; Hạ tầng: sân bay, cảng biển; Logistics & kho vận.
- Tăng cường liên doanh - liên kết nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô hoạt động và lĩnh vực kinh doanh: Hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước; Mở rộng: ngành nghề, thị trường, sản phẩm mới.

5. Các rủi ro

- Nền kinh tế và thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá cả nguyên vật liệu sản xuất, lạm phát có nguy cơ gia tăng.
- Cú sốc giá nhiên liệu cũng như lạm phát gia tăng làm cho các chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục bị gián đoạn, tạo ra thách thức to lớn cho các doanh nghiệp.
- Rủi ro về biến động tỷ giá cũng là thách thức lớn do Petechim nhập khẩu bằng ngoại tệ và kinh doanh bằng nội tệ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Thuận lợi:
 - Giá trị thương hiệu Petechim trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
 - Sự ủng hộ của các cổ đông lớn và sự hợp tác của các đối tác/khách hàng.
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ mở ra định hướng kinh doanh mới, phù hợp xu hướng thị trường và tạo cơ hội cho những bước đột phá để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.
 - Bộ máy tổ chức đã được tái cấu trúc tinh gọn, tập thể lãnh đạo và CBNV đoàn kết, có trình độ, giàu tâm huyết và tinh thần trách nhiệm cao.
- Khó khăn:
 - Năng lực hạn chế trong khi mức độ cạnh tranh khốc liệt nên công tác thương mại đấu thầu hiệu quả không cao, biên lợi nhuận thấp.
 - Các lĩnh vực kinh doanh mới gặp nhiều khó khăn, thách thức, chưa đóng góp đáng kể vào kết quả SXKD 2025 như mong đợi.
- Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2025 của Công ty Petechim như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% so với KH năm 2025
1	Doanh thu BH&CCDV	370.000.000.000	120.461.329.266	33%
2	Giá vốn về BH & CCDV	318.880.000.000	95.641.814.323	30%
3	Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	51.120.000.000	24.819.514.943	49%
4	Lợi nhuận trước thuế	7.500.000.000	(187.236.239)	/
5	Lợi nhuận sau thuế	6.500.000.000	(1.192.857.337)	/

(Số liệu tính đến hết 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2025)

- Về doanh thu: Trong năm 2025, Công ty Petechim đạt được 120,46 tỷ đồng tương đương 33% kế hoạch năm 2025 và bằng 15% so với cùng kỳ năm trước.
- Về lợi nhuận: Năm 2025, lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim lỗ 0,19 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

- Bà **Đỗ Thị Bích Hà** – Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1970

Số CCCD: 031170009283 cấp ngày 19/8/2022 tại Cục CS QLHC về trật tự xã hội.

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

- Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 27/02/1982

Số CMND: 001182051038 cấp ngày 19/10/2022 tại Cục CS QLHC về trật tự xã hội.

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2025: 28 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.
- Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đúng đối tượng;
- Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động tương ứng với vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.
- Người lao động ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp và được khám sức khỏe định kỳ hàng năm;

- Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp y tế, lao động nữ nghỉ thai sản; ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn: không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Tính đến hết năm 2025, tổng giá trị đầu tư góp vốn của Công ty Petechim là 45.960,00 triệu đồng.

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên Công ty	Các chỉ tiêu				
		Vốn ĐL	Petechim SH	Tỷ lệ SH	DT 2025	LNST 2025
I	Công ty con					
1	Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	42.352,90	21.960,00	51,85%	72.765,53	3.898,48
II	Công ty liên kết					
1	Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn	291.000,00	11.000,00	3,78%	7.249.040,47	20.414,21
2	Công ty CP SX & Chế biến DK Phú Mỹ	500.000,00	10.000,00	2%	62.453,06	2.004,15
3	Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung	190.400,00	3.000,00	1,58%	7.680.300,61	17.060,48

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	799.788.646.344	327.952.787.101	143,87
Doanh thu thuần	120.461.329.266	815.687.859.712	(83,25)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(270.829.566)	3.403.677.302	(107,96)
Lợi nhuận khác	83.593.327	(105.443.301)	179,28
Lợi nhuận trước thuế	(187.236.239)	3.298.234.001	(105,68)
Lợi nhuận sau thuế	(1.192.857.337)	2.230.543.364	(153,48)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
HS thanh toán nhanh	0,37	2,74
HS thanh toán hiện thời	1,28	2,79
Chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản	175,43	30,50
Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH	256,30	43,89

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Chỉ tiêu năng lực hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	0,96	6,34
Kỳ thu tiền bình quân	379	58
Số vòng quay hàng tồn kho	0,39	2,71
Số ngày tồn kho	932	135
Khả năng sinh lời		
LN gộp biên = Lợi nhuận gộp /doanh thu thuần	20,60	3,61
ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	0,99	0,27

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:
 - Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
 - Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 20.000.000 Cổ phần
 - Mệnh giá cổ phần phổ thông: 10.000 đồng/CP.
- Cơ cấu cổ đông:

Stt	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
I	Theo tỷ lệ sở hữu	4.171	20.000.000	100%
1	Cổ đông lớn	3	13.800.000	69,00%
2	Cổ đông nhỏ	4.168	6.200.000	31,00%
II	Theo tổ chức, cá nhân	3.355	20.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	5	11.802.520	59,01%
2	Cổ đông cá nhân	4.166	8.197.480	40,99%
III	Theo trong, ngoài nước	3.355	20.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	3.560	19.992.300	99,995%
2	Cổ đông nước ngoài	4	1.101	0,005%
IV	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	4.171	20.000.000	100%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 25/03/2026 do VSD cấp

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có, do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.
- Tiêu thụ năng lượng: Công ty hoạt động chính tại Trụ sở nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện phục vụ cho văn phòng với mức sử dụng không đáng kể.
- Tiêu thụ nước: Không sử dụng cho hoạt động kinh doanh, chỉ sử dụng cho sinh hoạt với mức tiêu thụ không đáng kể.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tuân thủ đầy đủ luật pháp và các quy định về môi trường, không xảy ra bất cứ vụ việc vi phạm nào. Công ty đã và đang duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- Chính sách liên quan đến người lao động
 - Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động là 28 người; mức lương trung bình là 13,5 triệu đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tuân thủ nghiêm túc Bộ luật Lao động và các chính sách về an toàn, bảo hiểm... nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người lao động. Công ty đã và đang duy trì hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018
- Hoạt động đào tạo người lao động: Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo khi được tuyển dụng theo hướng kèm cặp trực tiếp.
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai trong năm, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ trẻ tự kỷ và khuyết tật...
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả doanh 2025 đạt được thấp, không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của năm do một số dự án lớn dự kiến sẽ triển khai trong năm 2025 nhưng không thực hiện được như SAF, JET A1, Cảng Con Ong Hòn Nét, vận tải hàng hoá hàng không,... khiến cho Petechim mất cơ hội cung ứng dịch vụ và hàng hoá, tạo nên khoảng trống lớn về doanh thu và lợi nhuận.
- Tuy kết quả chưa đạt kế hoạch nhưng tập thể lãnh đạo và CBNV đã đoàn kết và nỗ lực hết sức mình để giải quyết khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, vượt qua thách thức, nỗ lực phấn đấu hết sức mình để thực hiện các mục tiêu kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tăng trưởng:
 - Do tính đặc thù ngành nghề kinh doanh của công ty mẹ các hợp đồng có giá trị lớn đang trong giai đoạn thực hiện, chưa hoàn thành nên chưa được ghi nhận kết quả trong kỳ này, đã kéo lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025 giảm 108% so với cùng kỳ
 - Doanh thu thuần Công ty năm 2025 giảm 85% so với năm 2024, kéo theo lợi nhuận gộp giảm gần 16%
 - Trong khi đó quy mô tổng tài sản tăng 144% so với cùng kì, chủ yếu tăng chỉ tiêu hàng tồn kho, tăng 12.307% so với cùng kỳ
- Tình hình thanh khoản:

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty là 1.28 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp. Điều này cho thấy Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kì kinh doanh).
- Năng lực hoạt động: Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân cao hơn và số ngày tồn kho cao hơn so với cùng kì. Cụ thể:
 - Số ngày phải thu đang ở mức 379 ngày tăng 321 ngày so với năm 2024. Công ty điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp cho từng khách hàng nhằm đảm bảo việc thu hồi công nợ một cách nhanh nhất.

- Chỉ tiêu số ngày tồn kho cũng tăng nhiều, tăng 797 ngày
- Khả năng sinh lời:
 - Lợi nhuận gộp biên năm 2025 tăng gần 16,99% so với năm 2024.
 - Tỷ trọng giá vốn/doanh thu giảm không đáng kể từ 0,96% xuống 0,79%.
 - Chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) của Công ty năm 2025 giảm nhẹ 5,2%. Trong năm 2025 công ty vẫn duy trì chủ trương “thắt lưng, buộc bụng”, đẩy mạnh tiết kiệm và tiết giảm chi phí.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý an toàn Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. Tiếp tục duy trì mục tiêu và chính sách chất lượng an toàn môi trường đã đề ra *“Đem đến cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của mình; Luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường”*.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- **Mục tiêu chiến lược:** Năm 2026, PETECHIM xác định là năm chuyển đổi mang tính chiến lược với định hướng: “Lấy phát triển để ổn định” - chuyển đổi mạnh mẽ sang các lĩnh vực kinh doanh mới nhằm thay thế dần và tiến tới thay thế hoàn toàn mảng thương mại dầu khí truyền thống. Đồng thời xây dựng dịch vụ logistics và XNK uỷ thác trở thành hoạt động cốt lõi, bền vững để đảm bảo lợi ích cổ đông, duy trì thu nhập ổn định cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn.
- **Định hướng phát triển:** PETECHIM tập trung vào 3 định hướng chiến lược lớn:
 - Tham gia sâu vào các hệ sinh thái của cổ đông lớn với vai trò Nhà cung cấp hàng hóa - dịch vụ - giải pháp công nghệ tổng thể trong quá trình chuyển dịch sang kinh tế số/xanh.
 - Trở thành nhà cung ứng đa ngành trong các dự án lớn. Từng bước xây dựng vị thế: Nhà cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu đầu vào; Nhà phân phối sản phẩm đầu ra; Nhà cung ứng dịch vụ đa ngành trong các lĩnh vực: Năng lượng tái tạo; Tín chỉ Carbon; Hạ tầng: sân bay, cảng biển; Logistics & kho vận.
 - Tăng cường liên doanh - liên kết nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô hoạt động và lĩnh vực kinh doanh: Hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước; Mở rộng: ngành nghề, thị trường, sản phẩm mới.
- **Kế hoạch hành động:**

Nguyên tắc triển khai: Hành động quyết liệt - đồng bộ - linh hoạt; Bám sát tiến độ dự án & khả năng huy động nguồn lực; Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định (ngắn hạn) & chuẩn bị cho tăng trưởng (dài hạn).

Kế hoạch kinh doanh:

- Hợp tác chiến lược - nền tảng tăng trưởng: Tăng cường hợp tác với các đối tác lớn nhằm cung cấp giải pháp tổng thể cho các dự án lớn, các chuỗi về: Công nghệ & giải pháp; Hạ tầng & sản phẩm.
- Triển khai theo hệ sinh thái khách hàng làm trục tăng trưởng chiến lược gồm: Khối Dầu khí; Khối Tài chính, Ngân hàng, Hàng không, BĐS...
- Mở rộng thị trường ngoài hệ sinh thái gồm: Nhà máy, Khu công nghiệp, Khách sạn, Resort, Ngân hàng, Hàng không nhằm tận dụng cơ hội đón đầu APEC Phú Quốc 2027.

Chiến lược phát triển: Thực hiện định hướng chuyển đổi từ “bán hàng hóa” thành “bán giải pháp + giá trị gia tăng”

- ESG & chứng chỉ xanh: Triển khai giải pháp đạt chứng nhận EDGE cho chuỗi PGD HDBank, VikkiBank.
- 3.2. Ứng dụng AI & công nghệ thông minh: Smart City, Smart Building, Smart Office, Smart Meeting Room, Smart Parking; Smart Port / Smart Warehouse ...

Công tác điều hành & tái cấu trúc

- Tái cấu trúc chiến lược: Thoái vốn tại các công ty con liên quan PVOIL; Tạo điều kiện để chuyển dịch sang lĩnh vực mới và linh hoạt mô hình kinh doanh.
- Tài chính & quản trị: Kiểm soát chi phí chặt chẽ; Chủ động thu xếp vốn; Xử lý tồn đọng & nợ xấu, thu hồi vốn để lành mạnh tài chính
- Quản lý dự án: Kiểm soát tiến độ thực hiện & thanh quyết toán; Tránh phát sinh công nợ mới & tồn đọng kéo dài
- Nhân sự & tổ chức: Xây dựng bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp; Áp dụng mô hình task force cho dự án trọng điểm; Cơ chế lương thưởng theo hiệu quả, lấy con người làm trung tâm. Không ngừng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy mô hình task force để phát huy nội lực và sức mạnh tập thể trong các HĐ/Dự án trọng điểm.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Như đã phân tích ở trên, mức tiêu thụ năng lượng, nước tại trụ sở của Công ty tương đối ít, song song đó lượng chất thải hàng ngày chủ yếu là rác thải sinh hoạt nên không tác động đáng kể đến môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động được Công ty áp dụng đầy đủ các chính sách bảo hiểm, an toàn, phúc lợi.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tham gia đầy đủ trách nhiệm đối với địa phương bằng việc đóng góp các quỹ theo quy định và tích cực trong các hoạt động ủng hộ, thiện nguyện vì cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2025, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), các cổ đông lớn, cũng như sự hợp tác của các khách hàng truyền thống, các nhà thầu dầu khí.

Tuy nhiên, những diễn biến mới của căng thẳng địa chính trị thế giới, biến động của thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ, cùng với đó là các biến động của giá dầu khí, thị trường năng lượng, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, chi phí leo thang, cũng như khó khăn trên thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản... đã tác động mạnh đến các hoạt động sản xuất, đầu tư và doanh nghiệp như Petechim.

Trước thực tiễn nêu trên, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các chỉ đạo, định hướng:

- Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm, các loại hình dịch vụ dầu khí cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ khâu đầu đến khâu sau và các nhà thầu dầu khí nước ngoài khác; Bám sát các khách hàng chiến lược trong ngành Dầu khí và phát huy thế mạnh truyền thống với mục tiêu giành được hợp đồng/ dự án.
- Tăng cường việc hợp tác với các Nhà sản xuất/nhà cung cấp tiềm năng, tận dụng thế mạnh của đối tác, đẩy mạnh hiệu quả việc xây dựng quan hệ đối tác – khách hàng để gia tăng năng lực cạnh tranh và cơ hội thành công trong công tác đấu thầu.
- Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các cổ đông lớn.
- Thu xếp vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD, có các phương án phù hợp để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng phục vụ hoạt động bảo lãnh, giải ngân và mở L/C,...
- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ cho SXKD.
- Quản lý chặt chẽ dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản cho các HĐ/DA.
- Kiểm soát và thực hiện tiết giảm tối đa tất cả các chi phí: chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng, kể cả giá vốn bán hàng để giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh trong đấu thầu và nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được triển khai thực hiện nhanh chóng và mang lại hiệu quả thiết thực.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

- Về hoạt động quản trị Công ty: Trong năm 2025, Ban điều hành Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty. Cụ thể như sau:
 - Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn Công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
 - Tổng Giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác.

Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.

- Tổng Giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2025 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Công tác nhân sự, đào tạo, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Về hoạt động kinh doanh:

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các định hướng chiến lược kinh doanh đã được ĐHĐCĐ xác định và các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ, đã bám sát được khách hàng/đối tác. Việc phát triển thị trường và các hoạt động kinh doanh mới, cũng như xúc tiến xây dựng các quan hệ hợp tác, liên doanh/liên kết...; đã ghi nhận những tiến triển tích cực.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2026, Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các mục tiêu, định hướng chiến lược và chương trình hành động đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Cụ thể:

Mục tiêu chiến lược: Thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ mô hình hoạt động theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào thương mại dầu khí truyền thống; đồng thời ưu tiên tham gia sâu vào chuỗi dự án của cổ đông lớn nhằm tạo nguồn việc ổn định và nâng cao năng lực cạnh tranh. Song song đó, tập trung phát triển dịch vụ logistics và xuất nhập khẩu ủy thác trở thành trụ cột kinh doanh cốt lõi; từng bước mở rộng sang các lĩnh vực mới có hiệu quả và tính bền vững cao hơn, hướng tới gia tăng giá trị cho cổ đông và ổn định thu nhập cho người lao động.

Kế hoạch hành động: Triển khai đồng bộ, quyết liệt và linh hoạt các giải pháp trên toàn bộ lĩnh vực hoạt động, nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trọng tâm là: (i) tham gia sâu vào hệ sinh thái của Tập đoàn với vai trò nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ và giải pháp công nghệ tổng thể trong quá trình chuyển dịch sang kinh tế số và kinh tế xanh; (ii) từng bước trở thành nhà cung ứng đa ngành trong các dự án quy mô lớn; (iii) đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động.

Lộ trình thực hiện được xây dựng trên cơ sở bám sát tiến độ các dự án và khả năng huy động nguồn lực, bảo đảm điều phối linh hoạt, hiệu quả; đồng thời duy trì ổn định hoạt động hiện hữu để tạo nguồn thu bền vững phục vụ chi phí thường xuyên, bảo toàn vốn chủ sở hữu và chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các cơ hội tăng trưởng trong trung và dài hạn.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

Kế hoạch riêng của Công ty Petechim

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2026 dự kiến (VNĐ)
1	Doanh thu	873.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	858.300.000.000
3	Tổng quỹ lương	11.200.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.500.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.500.000.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	0%

Kế hoạch hợp nhất Công ty con của Petechim

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2026 dự kiến (VNĐ)
1	Tổng doanh thu	953.000.000.000
2	Tổng chi phí	944.500.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	8.500.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.500.000.000

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu/ Đại diện sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Võ Khánh Hưng	CT HĐQT	5,800,000	29%
2	Ông Trần Đức Chính	TV HĐQT	0	0%
3	Bà Hoàng Kim Dung	TV HĐQT	0	0%

1.2. Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2025

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian làm việc	Lý do
1	Ông Nguyễn Trung Kiên	TV HĐQT	Đến 28/11/2025	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 50/NQ-TMDK ngày 28/11/2025
2	Bà Hoàng Kim Dung	TV HĐQT	Từ 28/11/2025	Tham gia HĐQT theo Nghị quyết số 50/NQ-TMDK ngày 28/11/2025

1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Võ Khánh Hưng	7/7	100%	
2	Ông Trần Đức Chính	7/7	100%	
3	Bà Hoàng Kim Dung	1/7	14%	Chưa tham gia HĐQT

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Ban hành 03 Nghị quyết, 02 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty vào ngày 23/4/2025 tại trụ sở chính Công ty.
- Tổng giám đốc Công ty đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
- Tổng giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
- Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Stt	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu/ Đại diện sở hữu	Tỷ lệ
1	Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng BKS	0	0%
2	Ông Ngô Thế Anh	TV BKS	0	0%
3	Bà Trần Mộng Thùy Trang	TV BKS	0	0%

2.2. Hoạt động Ban kiểm soát

2.2.1. Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ /tham dự /họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đoàn Thu Hương	4/4	100%	100%	
2	Ông Ngô Thế Anh	4/4	100%	100%	
3	Bà Trần Mộng Thùy Trang	4/4	100%	100%	

2.2.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ đúng quy định trong Điều lệ Công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2025, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, lập báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất kiến nghị và giải pháp phù hợp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

3.1. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đối với báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của Công ty Petechim:

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2025” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025” của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- HĐQT, DTQA (03b)

Đính kèm:

- Phụ lục số 01
- BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



ĐỖ THỊ BÍCH HÀ

PHỤ LỤC SỐ 01

(Đính kèm Báo cáo số 287/BC-TMDK, ngày 11/04/2026)

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC) (Tầng 14 khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội)	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Sửa chữa thiết bị điện. Lắp đặt hệ thống điện. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện. Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera). Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển	21,960,000,000	51.85%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình). Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thăm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.		
2	Công ty liên kết	CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN (PVOil Sài Gòn)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và	11,000,000,000	5.50%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
		(Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)	phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.		
3	Công ty liên kết	CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PVOil Phú Mỹ) (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)	Bán buôn/bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanoil fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản	10,000,000,000	2.00%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.		
4	Công ty liên kết	CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PVOil Miền Trung) (Địa chỉ: Số 197 CMT8, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất cấm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).	3,000,000,000	1.57%

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Bích Hà

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 40



300449
CÔNG T
TOÁN
A8

HÓA -

05447

ÔNG
CỔ PH
ƯƠNG
DẦU

7-T.P.H

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 31 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lắp trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Khánh Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Đức Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Hoàng Kim Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Mộng Thùy Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
Ông Ngô Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc



Số: 1.0786/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý về các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu sau được trình bày tại thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền theo sổ sách là 18.995.000.000 VND. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu (nay là TP. Hồ Chí Minh) và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 14.350.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.
- Khoản phải thu Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp Công nghệ tổng hợp Leveltech với số tiền theo sổ sách là 6.307.106.427 VND.

Với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền



Nguyễn Thị Phước Tiên

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		734.295.671.804	259.818.740.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.512.505.616	27.624.639.641
1. Tiền	111		10.346.543.930	12.941.480.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.165.961.686	14.683.158.865
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		71.162.426.404	72.556.733.854
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	71.162.426.404	72.556.733.854
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.168.311.868	155.239.737.212
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	84.837.807.271	144.753.651.570
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.227.118.850	21.527.343.835
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.712.237.004	2.699.792.900
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.608.851.257)	(13.741.051.093)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		484.340.744.781	3.903.595.495
1. Hàng tồn kho	141	V.7	484.340.744.781	3.903.595.495
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.111.683.135	494.034.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	577.302.424	493.154.104
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.534.161.616	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	219.095	880.550
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.492.974.540	68.134.046.245
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.074.000	49.800.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	32.074.000	49.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.443.683.267	42.279.568.175
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	40.443.683.267	42.279.568.175
- Nguyên giá	222		68.279.326.644	68.190.556.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.835.643.377)	(25.910.988.469)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		154.472.660	154.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(154.472.660)	(154.472.660)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.017.217.273	1.804.678.070
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.017.217.273	1.620.969.477
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.11	-	183.708.593
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		799.788.646.344	327.952.787.101



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		575.318.022.113	100.038.951.251
I. Nợ ngắn hạn	310		574.008.352.213	93.086.504.651
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a, c	32.473.342.880	19.193.161.519
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	170.083.461.660	4.942.921.311
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.902.028.943	4.521.393.938
4. Phải trả người lao động	314		7.787.020.658	6.132.951.739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.420.128.489	29.011.405.784
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45.000.000	181.734.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a, c	9.951.977.647	10.516.347.176
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	350.000.000.000	18.222.137.863
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	345.391.936	364.451.321
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.309.669.900	6.952.446.600
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b, c	809.669.900	6.606.446.600
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b, c	500.000.000	346.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.470.624.231	227.913.835.850
I. Vốn chủ sở hữu	410		224.470.624.231	227.913.835.850
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a, b, c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	35.044.156.277	35.044.156.277
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(33.959.167.641)	(30.570.174.837)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.891.086.040)	(30.570.174.837)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.068.081.601)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.40	23.385.635.595	23.439.854.410
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		799.788.646.344	327.952.787.101

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.461.329.266	816.512.489.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	824.629.630
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.461.329.266	815.687.859.712
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.641.814.323	786.221.542.040
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.819.514.943	29.466.317.672
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.897.568.717	5.566.274.257
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	542.200.499	569.248.692
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.476.917	88.315.516
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.997.559.896	5.164.373.158
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	25.448.152.831	25.895.292.777
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(270.829.566)	3.403.677.302
12. Thu nhập khác	31	VI.7	356.518.013	36.400
13. Chi phí khác	32	VI.8	272.924.686	105.479.701
14. Lợi nhuận khác	40		83.593.327	(105.443.301)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(187.236.239)	3.298.234.001
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.005.621.098	1.067.690.637
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.192.857.337)	2.230.543.364
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3.068.081.601)	243.802.840
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.875.224.264	1.986.740.524
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(153)	12
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(153)	12

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Bích Hà
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(187.236.239)	3.298.234.001
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 11	2.108.363.501	2.169.219.029
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(132.199.836)	6.218.095
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(15.190.923)	(3.574.470)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.865.999.129)	(5.562.637.143)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.476.917	88.315.516
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.084.785.709)	(4.224.972)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.726.993.343	(7.901.744.741)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(480.437.149.286)	572.119.648.264
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		143.347.748.379	(167.023.874.070)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		519.603.884	(230.348.554)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(95.792.433)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.067.690.637)	(1.268.946.889)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(637.981.667)	(614.505.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(318.729.054.126)	395.076.004.038
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(88.770.000)	(275.090.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.654.130.348)	(32.545.615.004)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	39.359.045.602
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		35.048.437.798	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	4.826.856.805	6.322.513.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.132.394.255	12.860.853.751

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	350.000.000.000	33.222.137.863
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(18.222.137.863)	(447.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 19	(1.308.527.214)	(1.729.175.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		330.469.334.923	(415.507.037.237)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.872.675.052	(7.570.179.448)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.624.639.641	35.191.148.394
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.190.923	3.670.695
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	45.512.505.616	27.624.639.641

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí, cung cấp thiết bị ngành hàng không.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (công ty con) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con này có trụ sở tại tầng 14 khu văn phòng, tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đối với công ty con không đổi từ năm trước đến năm nay là 51,85%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 100 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 101 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư số 200"), Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 ("Thông tư số 75") và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 ("Thông tư số 53") về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư số 99") hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200, Thông tư số 75 và Thông tư số 53. Các quy định của Thông tư số 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn gồm có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Tập đoàn là chi phí thực hiện dịch vụ liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư cho các công trình dầu khí, thiết bị cho ngành hàng không, các kho xăng dầu và các dự án cung cấp thiết bị viễn thông chưa hoàn thành, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là doanh thu ước tính của từng hợp đồng trừ chi phí ước tính để hoàn thành dịch vụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo trì các tòa nhà, văn phòng đang thuê và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa, bảo trì

Chi phí sửa chữa, bảo trì phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho việc sửa chữa, bảo trì tòa nhà, văn phòng đang thuê, khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian thuê theo hợp đồng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm

5 - 46

3 - 5

4 - 10

3 - 5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu của Tập đoàn là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	496.421.801	289.068.235
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.850.122.129	12.652.412.541
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	35.165.961.686	14.683.158.865
Cộng	45.512.505.616	27.624.639.641

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 3,2%/năm (năm trước từ 1,6%/năm đến 3,3%/năm).

Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này là 0 VND (số đầu năm là 12.357.756.409 VND).

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱ⁾	16.500.000.000	16.500.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hồ ⁽ⁱ⁾	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Ba Đình ⁽ⁱ⁾	7.000.000.000	7.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Trung tâm kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	38.362.426.404	38.362.426.404	42.756.733.854	42.756.733.854
Cộng	71.162.426.404	71.162.426.404	72.556.733.854	72.556.733.854

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng với lãi suất từ 5,4%/năm đến 7%/năm (số đầu năm là 4,9%/năm đến 5,5%/năm).
- (ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.900.000.000 VND (số đầu năm là 1.900.000.000 VND) đang bị hạn chế sử dụng. Khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (iii) Các khoản có kỳ hạn từ 5 tháng đến 12 tháng với lãi suất 3,2%/năm đến 5,4%/năm (số đầu năm là 2,9%/năm đến 5,4%/năm). Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này là 0 VND (số đầu năm là 19.703.606.796 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ	5,50%	5,50%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,00%	2,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	1,58%	1,58%

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	18.995.000.000	24.971.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	20.437.278.531	20.787.278.531
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	651.906.400	651.906.400
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp Công nghệ tổng hợp Leveltech	6.307.106.427	6.307.106.427
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	1.551.869.280	6.387.585.100
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	4.399.370.520
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	17.002.932.580	9.860.212.592
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro ⁽ⁱⁱ⁾	1.005.073.681	60.838.172.003
Công ty Cổ phần Kiến trúc Tư vấn quản lý Đông Dương	13.499.735.683	-
Các khách hàng khác	5.386.904.689	10.550.419.997
Cộng	84.837.807.271	144.753.651.570

- ⁽ⁱ⁾ Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty mẹ đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu (nay là TP. Hồ Chí Minh) và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Tập đoàn thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 14.350.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Tập đoàn theo lịch trả nợ đã cam kết.

- (ii) Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản công nợ phải thu được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh là 0 VND (số đầu năm là 59.366.370.723 VND).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Năng lượng NMT	149.711.000	3.963.413.344
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật DS Vũng Tàu	7.008.802.731	3.517.345.118
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Viễn thông TTC	3.191.673.484	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương	-	2.950.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.103.875.568	3.323.529.306
Cộng	20.227.118.850	21.527.343.835

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - chi phí dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời	1.646.068.395	1.646.068.395	1.646.068.395	1.646.068.395
Tạm ứng	1.045.346.685	-	89.770.905	-
Các khoản ký quỹ	105.708.000	-	87.982.000	-
Lãi dự thu	915.113.924	-	875.971.600	-
Cộng	3.712.237.004	1.646.068.395	2.699.792.900	1.646.068.395

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

6. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	21.131.825	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	111.068.012	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Trên 3 năm	18.995.000.000	18.995.000.000	Trên 3 năm	24.971.600.000	24.971.600.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	Trên 3 năm	920.168.311	-	Trên 3 năm	920.168.311	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	Trên 3 năm	20.437.278.531	20.437.278.531	Trên 3 năm	20.787.278.531	20.787.278.531
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp Công nghệ tổng hợp Leveltech	Trên 3 năm	6.307.106.427	6.307.106.427	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.307.106.427	6.307.106.427
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	Trên 3 năm	651.906.400	651.906.400	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	651.906.400	651.906.400
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhật Anh	Trên 3 năm	855.000.000	855.000.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	855.000.000	855.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Trên 3 năm	1.864.410.133	-	Trên 3 năm	1.864.410.133	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconec PVC	Trên 3 năm	790.746.600	(1)	Trên 3 năm	790.746.600	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam	Trên 3 năm	1.646.068.395	-	Trên 3 năm	1.646.068.395	-
Phải thu khách hàng khác	Trên 3 năm	1.044.250	1.044.250	Trên 3 năm	1.044.250	1.044.250
Cộng		60.856.186.864	47.247.335.607		67.314.986.701	53.573.935.608

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.741.051.093	13.734.832.998
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(132.199.836)	6.218.095
Số cuối năm	13.608.851.257	13.741.051.093

7. Hàng tồn kho

	Năm nay	Năm trước
Hàng mua đang đi trên đường	479.095.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ⁽ⁱ⁾	483.847.204.209	3.903.595.495
Hàng hóa	14.445.027	-
Số cuối năm	484.340.744.781	3.903.595.495

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là hàng hóa công cụ thiết bị, phụ tùng ngành hàng không theo Hợp đồng mua bán số 0912/HĐMB ngày 09 tháng 12 năm 2024 với Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet. Toàn bộ lô hàng này được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, văn phòng	39.376.969	42.189.578
Chi phí bảo hiểm	70.053.600	82.416.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.600.000	162.500.000
Chi phí sửa chữa, bảo trì	458.271.855	206.048.526
Cộng	577.302.424	493.154.104



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo trì	654.212.490	574.169.314
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.252.005	295.521.830
Chi phí khác	355.752.778	751.278.333
Cộng	1.017.217.273	1.620.969.477

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	57.750.758.355	2.264.218.183	3.654.253.527	4.521.326.579	68.190.556.644
Mua trong năm	-	-	-	88.770.000	88.770.000
Số cuối năm	57.750.758.355	2.264.218.183	3.654.253.527	4.610.096.579	68.279.326.644
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	2.264.218.183	3.528.393.511	4.029.736.231	11.617.939.086
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.227.052.213	2.264.218.183	3.234.556.195	4.185.161.878	25.910.988.469
Khấu hao trong năm	1.400.687.016	-	369.247.336	154.720.556	1.924.654.908
Số cuối năm	17.627.739.229	2.264.218.183	3.603.803.531	4.339.882.434	27.835.643.377
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	41.523.706.142	-	419.697.332	336.164.701	42.279.568.175
Số cuối năm	40.123.019.126	-	50.449.996	270.214.145	40.443.683.267
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	154.472.660
Số cuối năm	154.472.660
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	154.472.660
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	154.472.660
Số cuối năm	154.472.660
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ mua Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí. Chi tiết phát sinh như sau:

Nguyên giá

Số đầu năm

2.004.093.775

Số cuối năm

2.004.093.775

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Số đã phân bổ

Số đầu năm

1.820.385.182

Phân bổ trong năm

183.708.593

Số cuối năm

2.004.093.775

Giá trị còn lại

Số đầu năm

183.708.593

Số cuối năm

-

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

-

Đang chờ thanh lý

-

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	16.170.330.100	11.093.553.400
Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Vietnam)	11.868.932.344	-
Các nhà cung cấp khác	4.434.080.436	8.099.608.119
Cộng	32.473.342.880	19.193.161.519

12b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	16.170.330.100	11.093.553.400
Trên 1 năm đến 5 năm	809.669.900	6.606.446.600
Cộng	16.980.000.000	17.700.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	16.170.330.100	11.093.553.400
Số phải trả sau 12 tháng	809.669.900	6.606.446.600

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Hoàng	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần AVIATION	-	1.111.111.111
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	168.944.763.350	-
Các khách hàng khác	1.138.698.310	831.810.200
Cộng	170.083.461.660	4.942.921.311

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.978.766.904	880.550	5.562.198.936	(7.812.619.329)	727.685.056	219.095
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.303.435.701	(1.303.435.701)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	282.880.655	(282.880.655)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.091.203.420	-	1.005.621.098	(1.067.690.637)	1.029.133.881	-
Thuế thu nhập cá nhân	451.284.144	-	1.022.593.913	(1.329.188.334)	144.689.723	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	11.476.000	(11.476.000)	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	139.470	-	35.554.929	(35.174.116)	520.283	-
Cộng	4.521.393.938	880.550	9.229.761.232	(11.848.464.772)	1.902.028.943	219.095

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Trong năm 2025, Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội. Việc áp dụng thuế suất 8% được thực hiện đối với các hàng hóa, dịch vụ đáp ứng điều kiện theo quy định và không thuộc các nhóm loại trừ theo phụ lục kèm theo các nghị định nêu trên.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.005.621.098	1.067.690.637
Cộng	1.005.621.098	1.067.690.637

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Tập đoàn có khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế của các năm như sau:

Năm 2021	351.473.849
Năm 2022	2.190.922.024
Năm 2023	4.396.946.364
Năm 2024	2.387.202.686
Năm 2025	4.587.693.965
Cộng	13.914.238.888

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng suy thoái kinh tế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	88.315.516
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Lò 2019)	-	1.546.894.800
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (BOP 2020)	-	613.300.639
Chi phí giá vốn dự án HD07/NT2.TM	-	1.653.506.905
Chi phí giá vốn Dự án cung cấp vật tư kết cấu chính khối chân đế, cọc, bển cập tàu giàn P15 (Hợp đồng số 0044/24/T-D3/VSP1-PETECHIM)	-	18.164.862.170
Chi phí giá vốn Dự án cung cấp vật tư khối thượng tầng, khung dầm chịu lực, cầu dẫn giàn P15 (Hợp đồng 0041/24/T-D3/VSP1-PETECHIM)	-	5.105.459.972
Chi phí phải trả khác	1.420.128.489	1.839.065.782
Cộng	1.420.128.489	29.011.405.784



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm	2.309.014.486	3.735.336.111
Kinh phí công đoàn	301.359.904	224.717.119
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	44.513.145	47.023.245
Cổ tức phải trả	6.473.285.050	6.150.380.264
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	221.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	602.805.062	358.890.437
Cộng	9.951.977.647	10.516.347.176

16b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 11767/25MN/HĐTD ngày 28 tháng 5 năm 2025 để bổ sung vốn và phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại thiết bị vật tư ngành hàng không. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ hàng hóa, công cụ thiết bị, phụ tùng ngành hàng không theo Hợp đồng mua bán số 0912/2024/HĐMB ngày 09 tháng 12 năm 2024 và các phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) (xem thuyết minh số V.7).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.222.137.863	432.000.000.000
Vay trong năm	350.000.000.000	33.222.137.863
Số tiền vay đã trả	(18.222.137.863)	(447.000.000.000)
Số cuối năm	350.000.000.000	18.222.137.863

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	364.451.321	254.345.290
Trích bổ sung từ lợi nhuận	618.922.282	724.611.031
Chi quỹ trong năm	(637.981.667)	(614.505.000)
Số cuối năm	345.391.936	364.451.321



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	200.000.000.000	35.044.156.277	(30.438.266.857)	23.637.375.097	228.243.264.517
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	243.802.840	1.986.740.524	2.230.543.364
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(375.710.820)	(348.900.211)	(724.611.031)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(1.835.361.000)	(1.835.361.000)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.044.156.277	(30.570.174.837)	23.439.854.410	227.913.835.850
Số đầu năm nay	200.000.000.000	35.044.156.277	(30.570.174.837)	23.439.854.410	227.913.835.850
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(3.068.081.601)	1.875.224.264	(1.192.857.337)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(320.911.203)	(298.011.079)	(618.922.282)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(1.631.432.000)	(1.631.432.000)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.044.156.277	(33.959.167.641)	23.385.635.595	224.470.624.231

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	62.000.000.000	31,0	62.000.000.000	31,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (công ty con) đã thông qua Nghị quyết số 124/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc chi trả cổ tức bằng 8% mệnh giá.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	6.646,18	3.873,88
Euro (EUR)	3.232,03	3.232,03

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	61.559.207.203	739.251.485.984
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.902.122.063	77.261.003.358
Cộng	120.461.329.266	816.512.489.342

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	58.652.526.029	730.939.389.383
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.989.288.294	55.282.152.657
Cộng	95.641.814.323	786.221.542.040

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.480.999.129	4.992.637.143
Cổ tức, lợi nhuận được chia	385.000.000	570.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.378.665	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.190.923	3.574.470
Doanh thu tài chính khác	-	62.644
Cộng	4.897.568.717	5.566.274.257

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.476.917	88.315.516
Lãi trả chậm	525.581.832	480.085.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.139.818	745.548
Chi phí tài chính khác	1.932	101.961
Cộng	542.200.499	569.248.692



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.515.930.000	3.086.631.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	589.597.573	1.001.091.782
Các chi phí khác	892.032.323	1.076.649.826
Cộng	3.997.559.896	5.164.373.158

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.581.537.515	15.078.667.540
Chi phí đồ dùng văn phòng	532.499.814	636.642.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.769.934.352	1.839.232.428
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	183.708.593	200.409.378
Dự phòng phải thu khó đòi	(132.199.836)	6.218.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.559.268.418	4.831.939.465
Các chi phí khác	4.953.403.975	3.302.183.550
Cộng	25.448.152.831	25.895.292.777

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	212.970.962	-
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	143.547.051	-
Các khoản khác	-	36.400
Cộng	356.518.013	36.400

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản truy thu và phạt thuế	269.187.051	7.295.326
Chi phí khác	3.737.635	98.184.375
Cộng	272.924.686	105.479.701

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(3.068.081.601)	243.802.840
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(3.068.081.601)	243.802.840
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(153)	12



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	568.249.436.546	753.587.860.255
Chi phí nhân công	31.365.106.666	37.512.990.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.108.363.501	2.169.219.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.022.846.964	37.515.501.034
Chi phí khác	5.922.645.713	4.385.051.471
Cộng	611.668.399.390	835.170.622.720

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

		Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị			
Ông Võ Khánh Hưng – Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/4/2024	60.000.000	-
Ông Trần Đức Chính – Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/4/2024	32.400.000	54.000.000
Bà Hoàng Kim Dung – Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/11/2025	2.700.000	-
Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/11/2025	32.400.000	21.600.000
Ông Đỗ Quang Thuận – Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/4/2024	-	8.100.000
Các thành viên Ban kiểm soát			
Bà Đoàn Thu Hương – Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/6/2020	32.400.000	32.400.000
Bà Trần Mộng Thùy Trang – Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/4/2022	21.600.000	21.600.000
Ông Ngô Thế Anh – Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/4/2023	24.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		Năm nay	Năm trước
<i>Các thành viên Ban điều hành</i>			
Bà Đỗ Thị Bích Hà - Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/4/2018	778.692.000	724.068.000
Ông Trần Mạnh Hùng - Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2024	-	147.425.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23/01/2008	358.652.000	320.589.000
Cộng		<u>4.368.004.710</u>	<u>4.945.083.173</u>

1b. Danh sách các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông nắm giữ 23,1% vốn điều lệ

1c. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với bên liên quan khác

Tập đoàn chỉ phát sinh lãi trả chậm phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam với số tiền là 325.581.832 VND (năm trước là 480.085.667 VND)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.12a, V.12b và V.16a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phục vụ các công trình dầu khí, cung cấp thiết bị ngành hàng không tại Việt Nam. Theo đó, Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản bảo đảm đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.512.505.616	-	45.512.505.616
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	71.162.426.404	-	71.162.426.404
Phải thu khách hàng	25.627.688.802	59.210.118.469	84.837.807.271
Các khoản phải thu khác	915.113.924	1.646.068.395	2.561.182.319
Cộng	143.217.734.746	60.856.186.864	204.073.921.610
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.624.639.641	-	27.624.639.641
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	72.556.733.854	-	72.556.733.854
Phải thu khách hàng	86.857.789.331	57.895.862.239	144.753.651.570
Các khoản phải thu khác	875.971.600	1.646.068.395	2.522.039.995
Cộng	187.915.134.426	59.541.930.634	247.457.065.060

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	32.473.342.880	809.669.900	33.283.012.780
Vay	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Các khoản phải trả khác	10.806.825.142	-	10.806.825.142
Cộng	393.280.168.022	809.669.900	394.089.837.922



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tương đương tiền	-	12.357.756.409
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	19.703.606.796
Phải thu khách hàng	-	59.366.370.723
Cộng	-	91.427.733.928

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản bảo đảm nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.512.505.616	-	27.624.639.641	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	71.162.426.404	-	72.556.733.854	-
Phải thu khách hàng	84.837.807.271	(4.189.726.795)	144.753.651.570	(4.321.926.631)
Các khoản phải thu khác	2.561.182.319	(1.646.068.395)	2.522.039.995	(1.646.068.395)
Cộng	204.073.921.610	(5.835.795.190)	247.457.065.060	(5.967.995.026)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	33.283.012.780	25.799.608.119
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	350.000.000.000	18.222.137.863
Các khoản phải trả khác	10.806.825.142	39.133.063.941
Cộng	394.089.837.922	83.154.809.923

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

